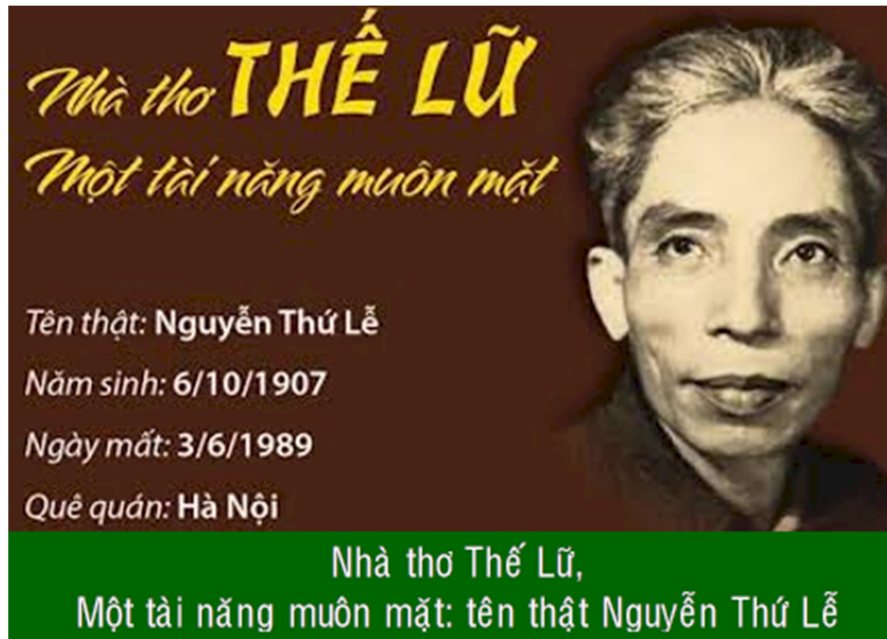


NÓI LÁI

(Hình Ảnh Nói Lái – Râu Ông Nọ Cắm Cầm Bà Kia)



Thê Lữ (1907–1989) là bút danh do nói lái tên thật, Nguyễn Thứ Lễ, là một nhà thơ, nhà văn, nhà soạn kịch, và nhà hoạt động sân khấu. Thê Lữ nổi danh trên văn đàn vào những năm 1930, trở thành thành viên của nhóm Tự Lực Văn Đoàn kể từ khi mới thành lập, năm 1934. Ông cũng dùng bút hiệu Lê Ta, giải thích "Lễ" = Lê + dấu Ngã, và Ngã = Ta...

Thê Lữ chiết giải thành 5 ký tự "ê h l t ữ". Sắp lại ê và ữ thuộc 2 chữ riêng, h và l không thể đứng chung. Rốt cuộc ta có 2 khả năng: Thê Lữ hoặc Hết Lữ.

Nói lái khá phổ biến, là một lối chơi chữ đổi chỗ âm đầu, vần hoặc thanh điệu của hai tiếng cho nhau để tạo ra từ mới mang ý nghĩa bất ngờ. Từ Lái được dùng nhiều trong khẩu ngữ, một số trong các tác phẩm văn học dân gian, viết nhằm gây tiếng cười hài hước, nói điều châm biếm, hoặc để đả kích một cách tinh tế người, sự việc, lắm khi dùng để diễn tả sự thô tục một cách kín đáo.

"*Đem Râu Ông Nọ Cắm Cầm Bà Kia*" là minh họa, biểu tượng của hiện tượng Nói Lái.

Hai bên Ông và Bà hoán đổi, ông trao Cầm Râu cho bà, bà nhận và đưa lại Cầm tron.

"Đầu Ngô, mình Sở" cũng là biểu tượng của nói lái.

Hai nhân vật, một người đầu Ngô, mình Sở, người kia đầu Sở, mình Sở.

Họ hoán đổi mình cho nhau. Người đầu Ngô nay có mình Sở...

Trong văn chương, đầu Ngô, mình Sở, có nghĩa Đề tựa bài viết không ăn khớp với Nội dung.

Hai trường hợp trên là nói lái giữa 2 nhóm từ (ông nọ/bà kia hoặc râu ông nọ/cằm bà kia thay vì nói lái cổ điển, thu hẹp giữa 2 từ. Nói lái sẽ có phạm vi rộng, lớn hơn, tổng quát hơn, cao cấp, và ý nghĩa linh hoạt hơn.

oOo

Đại đa số các từ nói lái được tạo một cách máy móc, tùy tiện đều vô nghĩa, nên vô dụng.

Ví dụ: Gia đình nói lái thành Ginh đà, vô nghĩa. Chồng con nói lái thành Chon công. Đất nước thành Đước nất. Vị hôn thành Vôn hị. Dục sĩ thành Dĩ sực...

Thiếu số còn lại, hữu nghĩa, thường biểu lộ sự sắc bén trí tuệ, dí dỏm.

Ví dụ: Biệt thự nói lái thành Bự thiết. Hiện đại thành Hại điện. Bảo điển thành Biên đảo. Vali thành Vi la. Các cụm từ lái này có cùng thanh điệu.

Một số Từ Lái khác, khác thanh điệu là phổ quát hơn.

Ví dụ: Chính phủ nói lái thành Chỉnh phú. Đầu tiên là Tiên đầu?

Tranh đấu thành Trầu đanh. Trời chơi thành Troi chò. Ca sĩ Chế Linh thành Chính Lễ.

Tuy nhiên Trời cho nói lái được 2 cách, là Trò chơi hoặc Tro Chời, vô nghĩa. Đầu tiên nói lái thành Tiên đầu? hoặc Diên Tàu, vô nghĩa. Chế Linh thành Lính Chê hoặc Linh Chế, vô nghĩa. Trong quá trình cấu tạo Từ Lái, các Từ Vô nghĩa nảy sinh, phải tự động được gạch bỏ...

Một số từ lái gồm 3 chữ cũng xuất hiện.

Vũ Như Cẩn đọc lái là Vẩn Như Cũ. Nguyễn Y Vân là Vẩn Y Nguyên. Tôi lấy vợ thành Vợ lấy tội. Án Đô Vương Trịnh Bồng, vị chúa Trịnh cuối cùng thời Vua Lê – Chúa Trịnh được đọc lái, Án Đô thành Đổ An và đó là thời loạn lạc, Trịnh Bồng giữ ngôi chúa chỉ được một năm.

oOo

Phương pháp Tổng quát tạo Từ Nói lái.

Ví dụ: Thực tập dùng từ "Chính Phủ".

Từ "Chính Phủ" gồm 3 thành phần:

- + Phần đầu là phần Phụ âm (CH và PH).
- + Phần hai là Phần Vần (ính và ử).
- + Phần ba là Thanh điệu (đấu sắc và dấu hỏi).

Thực hành – Gồm 3 bước:

- Bước 1 hoán đổi vị trí 2 phụ âm đầu CH và PH.
- Bước 2 hoán đổi vị trí 2 Vần cuối ÍNH và Ử.
- Bước 3 hoàn chỉnh đổi chỗ các dấu thanh Sắc và Hỏi.

Sơ Đồ Tạo Từ Nói Lái "Chính Phủ".

A) Chính Phủ – B (Phủ Chính – Phỉnh Chủ) – C (Chú Phỉnh – Chính Phú) – D) Phủ Chính.

Giải Thích:

A) "Chính Phủ" là từ gốc, khởi phát tiến trình Nói Lái.

B) Kết quả Bước 1: –1(Phủ Chính – Phỉnh Chủ) là hoán đổi vị trí 2 phụ âm đầu CH và PH.

C) Kết quả Bước 2: –2(Chú Phỉnh – Chính Phú) là hoán đổi 2 vần cuối, ÍNH và Ử.

D) "Phủ Chính" ở cuối câu là từ đọc ngược của từ gốc.

"Chính Phú", kết quả hoán đổi vị trí các dấu thanh, trùng hợp với Chính Phú ở kết quả C, Bước 2.

Nhận Xét: Trong các từ lái của từ Chính Phủ được tạo thì chỉ có từ "Chú phỉnh" là hữu nghĩa.

Hệ luận – Các hoán đổi vị trí không xảy ra. Trong các trường hợp:

- + Các phụ âm đầu giống nhau. Ví dụ: Chính Chủ. Không có từ lái Bước 1.
- + Các vần cuối giống nhau. Ví dụ: Chính Lính. Không có từ lái Bước 2.

Ngoại Lệ: "Đơn giản" nói lái thành "Đang giỡn". Đúng thì phải nói "Đan giỡn".

– Thừa một ký tự "g" (Từ Huế vào miền Nam, phụ âm "n" được đọc là "ng" ở cuối chữ. Đan phát âm thành Đang).

– Nguyên âm "ơ" đọc chệch ra "a", "Đơn" là "Đa" (Ví dụ: Cao đơn hoàn tán).

– C các dấu hỏi, ngã đặt sai vị trí. "Giỡn" thì dấu "ngã", trong khi "Giản" mang dấu "hỏi"...

Ví dụ khác: Gà Vịt thành Ghịt Và, G phải viết là GH. Đèo Cả thành Đà Kéo, C đổi thành K. Công đoàn thành Quan Đồng. C đổi thành Qu.

"Sao Vàng", nói lái thành "Sang Giàu". Đúng thì phải nói "Sang Vào". Song giọng Nam bộ phát âm "Vào" thành "Dzào" hoặc "Giàu".

Nói Lái là theo phát âm, thỉnh thoảng không trùng hợp với chữ viết.

Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết, có nhiều phụ âm, nguyên âm, và thanh điệu nên sự tạo từ nói lái là dễ dàng và thuận lợi...

Các trường hợp ngoại lệ trên dễ xảy ra ở các câu đố, câu hò do cần đối đáp nhanh.

Ví dụ: Bên Nữ rao: "*Con cá đối nằm trên cối đá...*"

thì bên Nam tức thì hò đáp: "*Chú mèo cụt núp dưới mút kèo...*"

Bên Nữ chấp nhận và tiếp tục hò câu khác, mặc dù Mèo cụt nói lái phải là Mút kèo.

Đề câu hò đối hoàn hảo, có thể đổi: "*Mèo cụt/Mút kèo thành Mèo cái/Mái kèo*". Tuy vậy "c" phải đổi thành "k":

o0o

Trong ngoại ngữ có 3 hình thái chơi chữ và tạo chữ:

1. **Anagram (Phép đảo chữ).** Sắp xếp lại các chữ cái trong một từ hoặc cụm từ. *Ví dụ:* Silent (im) thành listen (nghe). Stop thành Post.

Trong tiếng Việt thì Nguyễn Công Hoan thành Nguyễn Công Oanh, Miên thành Niêm, Tiến thành Niết, Mắt thành Tắm, Me thành Em, Cá thành Ác...

2. Reduplication (Tù Láy). *Ví dụ:* Chit–chat (nói chuyện phiếm), Mishmash (hỗn độn).

Trong tiếng Việt: Lầm Lét, Lác đác, Sạch Sành Sanh, Khít Khìn Khịt, Hí Ha Hí Hờn.

Từ Láy tiếng Việt rất phong phú. Tất cả đều được định nghĩa trong Từ điển.

Ngược lại Từ điển không ghi bất cứ từ láy nào.

3. Spoonerism (Nói Lái). Đặt theo tên của Giáo sĩ William Archibald Spooner (1844–1930) ở ĐH Oxford là người nổi tiếng có thói quen đăng trí hay nói lộn ngược. Ví dụ: "You have hissed my mystery lecture", (Anh đã la ó bài giảng đầy bí ẩn của tôi) thành "You have missed my history lecture" (Anh đã bỏ lỡ bài giảng về lịch sử của tôi).

Một thí dụ khác: "The Lord is a shoving leopard" thay vì "The Lord is a loving shepherd" ("Chúa là một con báo hung dữ" thay vì "Chúa là một người chăn chiên yêu thương"). Ở 2 thí dụ trên, phụ âm h đổi chỗ cho m và phụ âm sh đổi chỗ cho l.

Tuy nhiên Spoonerism chỉ giới hạn thay đổi chỗ các phụ âm đầu, không sánh bằng Nói Lái trong tiếng Việt, có phạm vi đổi chỗ bao gồm thêm phần vần và thanh điệu.

o0o

Nói lái nói chung nhằm 3 mục tiêu:

- ✧ 1. Có tính cách "bông đùa, mua vui",
- ✧ 2. Hoặc "mĩa mai, châm biếm, đả kích",
- ✧ 3. "diễn tả sự thô tục một cách kín đáo".

1. Bông đùa mua vui. Tức cảnh.

Ví dụ:

- Kỹ sư nói lái là Cư sĩ;
- Trời cho → Trò chơi;
- Biệt thự → Bự thiệt;
- Câu đối → Cối đâu?;
- Tôi lấy vợ → Vợ lấy tôi;
- Bán hồ chết → Bán hết chỗ;
- Hương giữa đèo → Heo giữa đường;
- Con ngựa → Cưa ngon, Cựa ngon;
- Con cua, con rồng → Con công, con rùa;

– Con cóc, con sáo → Con cáo, con sóc...

2. Châm biếm, đả kích.

Thí dụ:

- Chính phủ là Chú phỉnh,
- Lưu manh → Lanh mưu,
- Hiện đại gây Hại điện,
- Đầu tiên → Tiền đầu?,
- Đấu tranh → Tránh đầu?,
- Vũ Như Cẩn → Vẫn Như Cũ,
- Nguyễn Y Vân → Vẫn Y Nguyên,
- Chú trong họ → Chó trong họ,
- Cô tiên không → cô không tiên,

– Nhút cừ, Nhút Cẩu là những câu khen châm biếm kẻ rất giỏi, giỏi nhút.

3. Diễn tả kín đáo sự tục tĩu.

Diễn hình là các câu Kiều:

*"Tiếc thay một đóa trà mi.
Con ong đã tỏ đường đi, lối về".*

Hoặc:

*"Nước vỏ lựu, máu mào gà.
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên".*

Đáng tiếc các câu Kiều, thơ lục bát, không sử dụng từ Lái.

Không sử dụng từ lái, nói chung gặp rất nhiều, khắp nơi, trong các so sánh, ẩn dụ, nói theo vần.

Ví dụ: "dân ngu khu đen, ăn chắc, mặc bền"; nói theo bằng, trắc. *Ví dụ:* "lên voi xuống chó, trèo cao, ngã đau". Nếu nói lái thì ăn chắc thành ắc chanh, mặc bền thành mền bạc.

Nói Lái thô tục dễ xảy ra lúc bạn bè trò chuyện tếu, vui cười.

Giai thoại Lao Ái thời Chiến Quốc, sở hữu dương vật ngoại cỡ, được Thái hậu Triệu Cơ, mẹ Tần Thủy Hoàng, sủng ái.

Đổi lại Việt Nam không kém, có Hoàng thân Trần Ích Tắc (1254–1329) là Tắc Cọ...

Một cuộc Đại du hí là Ngạo du lớn. Mới nứt mắt đã khôn liền. "Sự bát quá tam" không đề đến Bốn Làn.

Nói lái phải tục mới vui, mới cười được, chứ nói lái thông thường thì chẳng có gì hấp dẫn.

Người miền Trung, đặc biệt người Huế có thể xem là tổ sư nói lái? nhất là nói lái rất tục tĩu. Bắc, Nam lai rai, ít?

Các năm 1955–1962, Các Thủ hiến Trung Việt mua tại Sài Gòn, 2 căn phố lâu, 27–29 Bùi Quang Chiêu (nay Đặng Thị Nhu) để làm Học xá cho các sinh viên miền Trung vào Sài Gòn học Đại học. Đa số là người Huế. Những ai có tên Tắc, Tôn, Cao, Lan, Lê, Đại, Đạo, Đôn, Liên, Ngôn, Du, Đề... thường bị chọc cười nói lái tục tĩu và chỉ cười trừ.

Học xá đóng cửa năm 1962, vài năm sau ĐH Huế mở cửa.

Nói lái trong tang lễ, hôn lễ

Đề chia buồn một người vợ vừa chết, có bức phướn viết 2 chữ KHUYH ĐỊA.

Giải thích là "Méo Đất" và tất nhiên phải hiểu bằng cách nói lái.

Trong một lễ cưới có câu chúc mừng "*Miêu Bất Tọa*". có nghĩa "*Mèo Không Ngồi*", tức là "*Mèo Được Đứng*". Nói lái kín đáo.

Nói lái trong các thơ văn câu hò, câu đối:

*"Trai Thủ Đức năm canh thức đủ.
Gái Gò Công sáu khắc gồng co."*

*"Con cá đối nằm trên cối đá.
Lát cá thu suýt bị cú tha."*

"Chú cò lửa đứng trước cửa lò."

Giai thoại trong dân gian

Nổi bật xuất sắc là các Trạng Trình, Trạng Lợn, và Trạng Quỳnh. Trạng Trình được biết qua những câu Sấm tiên tri thời cuộc. Trạng Lợn với những chuyện tếu, châm biếm tệ nạn xã hội, giới quan lại. Tuy nhiên 2 Trạng Trình, Trạng Lợn không sử dụng từ lái,

Trạng Quỳnh độc nhất là Trạng Nói lái, thanh có, tục có. Có thể nói hầu hết người Việt Nam đều nghe nói đến Trạng Quỳnh, biết tài nói lái của ông.

Giai thoại "Đại Phong"

Trạng Quỳnh dâng Chúa Trịnh một món ăn dân gian, là một lợ nhỏ nước chấm đặc sệt, dán tên "Đại Phong" Chúa ăn khen rất ngon miệng. Quỳnh giải thích, Đại Phong là Gió Lớn. Gió lớn làm sập chùa. Sập chùa thì các bức tượng lo. Tượng lo là Lợ Tương.

Giai Thoại "Ngọa Sơn"

Trạng Quỳnh vào xin gặp Chúa. Lính hầu nói Chúa đang ngủ trưa ở hậu cung. Quỳnh ngồi chờ một lát, viết vào lá thiếp 2 chữ "Ngọa Sơn", giải thích: "Ngọa" là Nằm. "Sơn" là Núi. Nằm thì có Ngủ. Ngủ thì có Ngáy. Sơn là núi, núi thì có Đèo. "Chúa đang bận Ngày Đèo."

Giai thoại "Đá Bèo"

Một hôm trời nắng nóng bức, Quỳnh ra bờ ao, lấy chân đùa nghịch, đá mấy ngọn bèo. Kiệu bà Chúa đi ngang, Bà Chúa thấy lạ mắt, cho dừng kiệu, bước xuống hỏi Trạng đang làm gì. Quỳnh tỉnh bơ, đáp:

– *"Thưa nương nương, nắng cực nên tôi đá bèo."*

Bà Chúa hiểu câu nói lái, thẹn đỏ mặt, vội lên kiệu, hỏi thúc đi thẳng một mạch. Thâm nghĩ Nói hay Đùng? Nói ra thêm chuốc nhục?

Tiêu biểu giai thoại Nói Lái về địa danh

Được thể hiện trong văn chương là qua bài thơ của Bà huyện Thanh Quan "*Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà...*". Đèo Ngang thuộc dãy Hoàng Sơn, tỉnh Quảng Bình.

Đèo Ngang nói lái là Đàng Nghèo. Nếu đổi tên là Đèo Nghếch sẽ thành Đếch Nghèo (hoặc Đèo Ngã – Đã Nghèo). Thì dù chưa kịp giàu sang song ít nhất là không còn nghèo.

Được thể thử mở khu du lịch Đèo Nghếch để đứng Đèo chiêm ngưỡng bức tranh thủy mặc độc đáo, cảnh núi sông hùng vĩ, song sông động với "*tiêu vài chú, rợ mấy nhà*".

Lê Bá Vận (Lân Bá Vệ)

nguồn: [blog người phương nam](#)



Nguồn: Internet eMail by kb chuyển

*Đăng ngày thứ Hai, October 12, 2026
tkd. Khoá 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*